

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn - Kiểm định và Xây dựng A.G.C Việt Nam và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 25/11/2021;

Theo đề nghị của Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty Cổ phần Tư vấn - Kiểm định và Xây dựng A.G.C Việt Nam;

Mã số thuế: 0800971843;

Địa chỉ: Số 125C, Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Hải Dương, Hải Dương;

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng;

Địa chỉ: Số 6, Phạm Tu, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương;

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo.

3. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1200**.

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

**Nơi nhận:**

- Công ty CP Tư vấn-Kiểm định và Xây dựng A.G.C Việt Nam;
- SXD tỉnh Hải Dương;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ**  
**MÔI TRƯỜNG**



**Vũ Ngọc Anh**

## DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1200

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Số: 268./GCN-BXD, ngày 17 tháng 12 năm 2021)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
	<b>Xi măng</b>	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	<b>Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng</b>	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:1993
4	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
5	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
6	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
	<b>Cốt liệu cho bê tông và vữa</b>	
1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
5	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
12	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
13	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419:91
	<b>Đất</b>	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:2012
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
	<b>Kim loại và mối hàn</b>	
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009)
2	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:2010
4	Kiểm tra chất lượng hàn ống-Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010



*Hy*

5	Thử kéo mỗi hàn kim loại	TCVN 5403:1991
6	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM F606; ASTM A370
<b>Bê tông nhựa</b>		
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:2011
<b>Nhựa bitum</b>		
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:11
5	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005
6	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
7	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
8	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
9	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
<b>Cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa</b>		
1	Xác định: Hình dáng bên ngoài; thành phần hạt; hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng của bột khoáng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số háo nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:1984
2	Xác định: khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
<b>Hiện trường</b>		
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971 TCVN 8729:2012
2	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8729:2012
3	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
4	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011
5	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
6	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
7	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
8	Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép	TCVN 9393:2012
9	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
10	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012



11	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT và CPTU)	TCVN 9352:2012
12	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:08
<b>Vữa xây dựng</b>		
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2003
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
4	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
5	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003
6	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
<b>Gạch xây</b>		
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
3	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
<b>Gạch bê tông</b>		
1	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
3	Xác định cường độ uốn	TCVN 6477:2016
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
5	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
<b>Gạch bê tông tự chèn</b>		
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
4	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
<b>Gạch Terazo</b>		
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
2	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
3	Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
4	Xác định độ co khô	TCVN 7744:2013

**Ghi chú (\*):** Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.